

Bàn thêm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

TS. PHAN SỸ THANH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: phansithanh@gmail.com

Nhận ngày 22 tháng 02 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 07 năm 2024.

Tóm tắt: Nhận thức đúng những đặc điểm, tính chất về thời kỳ quá độ (TKQĐ) ở Việt Nam hiện nay có ý nghĩa quan trọng để tiếp tục thực hiện các giải pháp, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh, đưa đất nước phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), đi tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Từ khóa: thời kỳ quá độ, chủ nghĩa xã hội, Việt Nam.

Abstract: Correctly understanding the characteristics and nature of the transitional period in Vietnam today is crucial for continuing to implement solutions, promptly addressing arising issues, and guiding the country's development in the right socialist orientation, towards the goal of "wealthy people, strong country, democracy, justice, and civilization".

Keywords: transitional period, socialism, Vietnam.

Trên cơ sở nhận thức mới và toàn diện về những vấn đề cơ bản của TKQĐ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong TKQĐ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng kế thừa tư duy các nhiệm kỳ trước đã xác định mô hình, phương hướng cơ bản và các mối quan hệ lớn cần giải quyết, cũng như yêu cầu, giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của TKQĐ. Trong bài viết này, tác giả đề cập đến một số vấn đề sau:

1. Lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin

Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội do C.Mác và Ph.Ăngghen phát minh ra đã làm thay đổi nhận thức trong quan niệm về lịch sử xã hội loài người, là cơ sở khoa học để nhận thức đúng về TKQĐ. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, xã hội loài người đã và sẽ tuần tự trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa (TBCN) và đang quá độ lên CNXH - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (CSCN). C.Mác đã viết: “Tôi coi

sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”⁽¹⁾. Do đó, hình thái kinh tế - xã hội CSCN là tiến bộ nhất trong 5 hình thái kinh tế - xã hội và giữa các kinh tế - xã hội ấy luôn có một thời kỳ chuyển tiếp được gọi là TKQĐ. Trong tác phẩm “Phê phán Cương lĩnh Gô-ta” (1875), C.Mác đã đề cập đến hai giai đoạn là “giai đoạn đầu”, “giai đoạn cao” của xã hội CSCN và “một thời kỳ quá độ chính trị từ xã hội TBCN lên xã hội CSCN”.

Về “giai đoạn đầu” của CNCS, là “một xã hội CSCN vừa thoát thai từ xã hội TBCN do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra”⁽²⁾. Trong “giai đoạn đầu” đã xóa bỏ giai cấp tư sản, chế độ tư hữu, bóc lột, xác lập công hữu, chế độ kinh tế và sự phát triển của văn hóa mới đạt tới giới hạn và chỉ bảo đảm cho xã hội thực hiện nguyên tắc “Làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

Về “giai đoạn cao” của CNCS, là “một xã hội CSCN đã phát triển trên những cơ sở của chính nó”. Ở giai đoạn này sẽ không còn “khi mà sự phụ thuộc

có tính chất nô dịch của con người vào sự phân công lao động của họ không còn nữa và cùng với nó, sự đối lập giữa lao động trí óc với lao động chân tay cũng không còn nữa; khi mà lao động trở thành không những là một phương tiện để sinh sống mà bản thân nó còn là một nhu cầu bậc nhất của đời sống; khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào, - chỉ khi đó người ta mới có thể vọt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu⁽³⁾.

Đầu thế kỷ XX, sống trong không khí cách mạng sôi sục của giai cấp công nhân Nga, thống nhất với chủ nghĩa Mác về phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội CNCS, vận dụng vào nước Nga Xô viết, V.I.Lênin đã đấu tranh quyết liệt về tư tưởng, lý luận với “phái dân túy”. V.I.Lênin đã phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới và chỉ ra rằng, không đợi đến lúc CNTB phát triển ở mức độ cao thì mới có thể làm cách mạng XHCN, mà cách mạng XHCN có thể nổ ra tại những nước TBCN phát triển ở mức độ trung bình. Theo đó, sau khi giành được chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, xã hội sẽ trải qua một TKQĐ lên CNXH, mà phổ biến là TKQĐ từ CNTB (ở các mức độ phát triển khác nhau) lên CNXH. V.I.Lênin đã phân chia quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội CNCS thành ba giai đoạn cụ thể: 1) “những cơn đau đẻ kéo dài”, 2) “giai đoạn đầu của xã hội CSCN”, 3) “giai đoạn cao của xã hội CSCN”. Ở đó, xác định: “giai đoạn đầu của xã hội CSCN, là xã hội vừa thoát thai từ xã hội TBCN sau những cơn đau đẻ kéo dài”⁽⁴⁾. Trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”, V.I.Lênin đặt TKQĐ ngay trước CNXH⁽⁵⁾. Tháng 5/1919 khi đề cập tới tư tưởng của Mác về “TKQĐ từ CNTB lên CNCS”, V.I.Lênin đã bổ sung và phát triển tư tưởng của C.Mác và nhấn mạnh “TKQĐ từ CNTB lên CNXH”⁽⁶⁾ nhằm làm rõ “lên giai đoạn đầu”, tránh hiểu lầm là “lên giai đoạn cao”. Theo V.I.Lênin, cả ba giai đoạn đều thuộc hình thái kinh tế - xã hội CSCN, tức là CNCS. Khẳng định thêm điều này để thấy rõ hơn tính chất khó khăn, phức tạp của TKQĐ, qua đó để chúng ta không còn phải băn khoăn suy

luận TKQĐ sẽ dài bao nhiêu thời gian và đưa ra mô hình quá chi tiết về một CNXH đã phát triển trên cơ sở của chính nó.

Hiện nay, cần nhận thức TKQĐ là “một giai đoạn độc lập có vị trí riêng biệt” “nằm giữa” CNTB và CNXH và nó phải nằm trong phạm trù của hình thái kinh tế - xã hội CSCN, không thể “chung chiêng” không thuộc hình thái kinh tế - xã hội nào. Nói CNXH là *giai đoạn thấp*, CNCS là *giai đoạn cao* của hình thái kinh tế - xã hội CSCN là muốn nói CNXH đã phát triển trên cơ sở của chính nó, CNCS đã đạt đến độ hoàn chỉnh.

Trong vấn đề này, cần nắm vững phương pháp luận mácxít: chúng ta không phải “từ trên trời đi xuống đất”, chúng ta không xuất phát từ những điều mà con người nói, tưởng tượng, hình dung, mà phải xem xét CNXH là “phong trào hiện thực”, đặt nó trên cơ sở hiện thực.

Nhận thức cụ thể hơn những khó khăn của TKQĐ. Trong một thời đại bao giờ cũng diễn ra quá trình hình thành, phát triển và thống trị của hình thái kinh tế - xã hội mới, tiến bộ và quá trình suy tàn, tiêu vong của hình thái kinh tế - xã hội cũ, lạc hậu. Hai quá trình này đan xen, đấu tranh với nhau và là động lực phát triển của xã hội trong thời đại đó. Trong TKQĐ, chúng ta cần tránh những nhận thức lệch lạc như: 1) xem nhẹ, không tính đầy đủ chiều hướng suy tàn, tiêu vong của hình thái kinh tế - xã hội cũ, từ đó không thấy hết tính chất phức tạp của sự đan xen, đấu tranh giữa các xã hội trong mỗi thời đại lịch sử, nhất là trong TKQĐ - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội mới; 2) ngộ nhận về thắng lợi, chỉ có phát triển đi lên của hình thái kinh tế - xã hội mới, nhất là khi nó đang trong giai đoạn hình thành, trong TKQĐ, mà không thấy những khó khăn, thoái trào, thậm chí có thể nó thụt lùi. V.I.Lênin đã nhận định: may ra thế hệ con cháu, thậm chí cháu chắt chúng ta mới được nhìn thấy CNXH. Những khó khăn của TKQĐ là những khó khăn của “những cơn đau đẻ kéo dài”, của sự vật lộn, đấu tranh giữa cái cũ và cái mới trên mọi phương diện. Sự vật lộn của “những cơn đau đẻ” rất lâu dài, mỗi giai đoạn, mỗi “cơn đau” nó lại chịu sự tác động bởi những yếu tố khách quan và chủ quan. Trong tư tưởng của V.I.Lênin, 3 - 4 thế kỷ tức khoảng 100 năm, thực ra chỉ có nghĩa tượng trưng cho một

TKQĐ gián tiếp chưa có tiền lệ. Nó chắc chắn sẽ rất khó khăn lâu dài, mà phải kinh qua đó công - nông Nga Xô - viết mới có thể đi tới được CNXH. Có thể có TKQĐ gián tiếp thấp hơn CNTB về kinh tế, nhưng không thể có “CNXH gián tiếp” thấp hơn CNTB về kinh tế, dễ dàng giản đơn hạ thấp tiêu chí về trình độ kinh tế bước vào TKQĐ lên CNXH so với CNTB, sẽ rơi vào các kiểu CNXH khổng luận, một CNXH chỉ là biểu hiện lý luận của giai cấp vô sản⁽⁷⁾, hoặc đại tư bản, tiểu tư bản, thậm chí phong kiến lạc hậu phản động mà C.Mác-Ph.Ăngghen từng phê phán sâu sắc. Thực tiễn lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng, vẫn có những nước do những điều kiện khác nhau chi phối đã bỏ qua một hoặc hai hình thái kinh tế - xã hội nào đó trong tiến trình phát triển.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Kế thừa và phát triển sáng tạo quan điểm, tư tưởng các nhà kinh điển về xác định TKQĐ, Chủ tịch Hồ Chí Minh với kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng: “Có nước thì đi thẳng đến CNXH (cộng sản) như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên CNXH (cộng sản) – như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta, v.v.”⁽⁸⁾.

Đối với Việt Nam “Đặc điểm to nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”⁽⁹⁾, cho nên phải từng bước xóa bỏ triệt để các tàn tích cũ, lạc hậu của chế độ thực dân, phong kiến, đồng thời từng bước gây dựng các mầm mống cho CNXH phát triển, đó là một tất yếu. Vì vậy, “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục, tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên CNXH”⁽¹⁰⁾, “Làm trái với Liên Xô, đó cũng là mác xít”⁽¹¹⁾. Nhận thức về thời kỳ quá độ lên CNXH là một cuộc đấu tranh cách mạng tính chất khó khăn, phức tạp, lâu dài, chứ “không thể một sớm một chiều”⁽¹²⁾. Bởi vì, “chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta ... biến nước ta từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp”⁽¹³⁾. Vì vậy, chúng ta muốn “tiến lên CNXH” thì không phải “cứ ngồi mà chờ” là sẽ có được

CNXH, mà Đảng phải “lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến lên CNXH”⁽¹⁴⁾. Trong đó, “nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của CNXH,... tiến dần lên CNXH, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa và khoa học tiên tiến. Trong quá trình cách mạng XHCN, chúng ta phải cải tạo nền kinh tế cũ và xây dựng nền kinh tế mới, mà xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài”⁽¹⁵⁾.

Từ những luận đề trên cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp cận CNXH từ những đặc trưng, bản chất của CNXH. Theo cách tiếp cận này cho thấy, CNXH không chỉ đơn thuần là một xã hội khác, trái với CNTB mà bản chất của CNXH là một xã hội vừa cao hơn về trình độ, vừa “đẹp hơn”, ưu việt hơn CNTB trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, xã hội đến văn hóa, đạo đức. Như vậy, Hồ Chủ tịch đã sớm thấy mục tiêu, con đường của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới là giành độc lập dân tộc, thực hiện TKQĐ lên CNXH. Nhưng đó không phải là TKQĐ trực tiếp như ở đất nước Liên Xô, cũng không phải TKQĐ nửa trực tiếp như Quốc tế Cộng sản đề ra cho các nước lạc hậu. Mà đó là TKQĐ gián tiếp theo tư tưởng Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo, phù hợp vào điều kiện cụ thể ở nước ta.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam bổ sung, phát triển lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đảng ta luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đã thừa nhận định tính phổ quát về kinh tế, chính trị, xã hội của TKQĐ lên CNXH, song Đảng ta cũng luôn vận dụng sáng tạo và bổ sung, phát triển lý luận về TKQĐ lên CNXH cho phù hợp với đặc điểm, bối cảnh, tình hình cách mạng từng thời kỳ ở nước ta. Trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng do đồng chí Hồ Chí Minh soạn thảo năm 1930 đã xác định: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁽¹⁶⁾. Thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam được bắt đầu từ năm 1954 sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thì miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH. Ngay sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, đất nước được thống nhất đã mở rộng trận địa của CNXH, cả nước

bước vào TKQĐ đi lên CNXH. Thời kỳ này tập trung chủ yếu nhiệm vụ xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, khắc phục hậu quả nặng nề sau chiến tranh.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976), do tư tưởng còn chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết và chưa nhận thức đầy đủ về TKQĐ lên CNXH nên chưa xác định đúng đắn những mục tiêu của chặng đường đầu tiên của TKQĐ. Mặc dù còn rất nhiều khó khăn, hậu quả chiến tranh nặng nề nhưng Đảng đã xác định: công nghiệp hóa XHCN là “nhiệm vụ trung tâm của cả TKQĐ, nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁷⁾. Trong những năm sau giải phóng hoàn toàn miền Nam, giai đoạn từ 1976 đến 1982, trên thực tế Việt Nam đã chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa trong khi chưa có đủ các tiền đề cần thiết.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), cùng với việc khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược, Đảng ta đã cụ thể hóa một bước đường lối kinh tế trong chặng đường đầu tiên của TKQĐ, đề ra những mục tiêu tổng quát, các chính sách lớn về kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, trong chỉ đạo thực hiện đã không quán triệt những kết luận quan trọng nói trên, chưa kiên quyết khắc phục tư tưởng nóng vội và duy ý chí, nên dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật và quyết tâm đổi mới, Đảng ta xác định: “TKQĐ ở nước ta do tiến thẳng lên CNXH từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng”⁽¹⁸⁾. Đồng thời nhận thức rõ, chặng đường đầu tiên là bước quá độ nhỏ trong bước quá độ lớn đi lên CNXH.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6 năm 1991), bối cảnh tình hình chính trị ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ (năm 1991) và đáng tiếc là ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có hiện tượng dao động về lập trường, phủ định con đường đi lên XHCN ở

nước ta. Trong bối cảnh tình hình quốc tế có những biến động khó khăn, phức tạp như vậy, Đảng ta đã sớm ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, (còn gọi là Cương lĩnh 1991), trong đó đã xác định: “Quá độ lên CNXH ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”⁽¹⁹⁾.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 7/1996) tiếp tục xác định phương hướng phát triển đất nước ta đi theo con đường CNXH “xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”⁽²⁰⁾.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001), kế thừa tư duy lý luận của Đại hội VIII và cụ thể hóa tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, Đảng ta khẳng định con đường nước ta phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài, “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”⁽²¹⁾.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4/2006) tiếp tục khẳng định: “Đề đi lên CNXH, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; đẩy mạnh CNH, HĐH; ... xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”⁽²²⁾.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 1/2011), đã ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bỏ

sung, phát triển năm 2011) xác định: “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc TKQĐ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của CNXH với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước XHCN ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”⁽²³⁾, “...nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn ... không phiến diện, cực đoan, duy ý chí”⁽²⁴⁾.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (tháng 1/2016) Đảng chủ trương: “Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân...”⁽²⁵⁾.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (tháng 1/2021) đã kế thừa, bổ sung và phát triển các quan điểm chỉ đạo các nhiệm kỳ Đại hội trước về xác định mục tiêu phát triển đất nước tiến lên xã hội XHCN “... khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ... đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN”⁽²⁶⁾. Đại hội cũng đã xác định mục tiêu cụ thể cho từng chặng đường đến năm 2025, 2030 và đến năm 2045.

Vấn đề đặt ra ở đây là, trong từng giai đoạn chúng ta cần nhận thức đúng những tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan; trên cơ sở đó, mới có thể xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ, động lực và giải pháp cho giai đoạn đó trên những bước đi của TKQĐ.

Trong cuốn sách “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “quá độ lên CNXH là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội”⁽²⁷⁾.

Như vậy, đến nay đường lối của Đảng thực hiện TKQĐ đã ngày càng sáng tỏ, hoàn thiện và đặt nhiều thành tựu to lớn trong thực tiễn làm tiền đề vững chắc cho Đại hội XIV của Đảng đề ra những quyết sách mới. Quán triệt quan điểm trên, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cần tiếp tục nâng cao nhận thức và chuyển

biến bằng hành động cụ thể thiết thực để phát triển đất nước trong TKQĐ, từng bước hiện thực hóa CNXH ở Việt Nam./.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, T.23, Nxb. CTQG - ST, T.23, tr.21.

(2), (3) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.19, tr.33, 36 - 37.

(4), (5) V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.33, tr.223, 105-126.

(6) V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. CTQG ST, T.38, tr.464.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.7, tr.125

(8) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.8, tr.293.

(9) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.12, 2011, tr.411

(10) Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.10, tr.391.

(11) Hồ Chí Minh (1992), *Biên niên tiểu sử*, Nxb. CTQG - ST, T.5, tr.5732 - 573.

(12) (13) Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.10, tr.324, 329.

(14) Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.8, tr.174.

(15) Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.13, tr.13.

(16) Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.2, tr.2.

(17) Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. CTQG - ST, T.36, tr.60 - 61.

(18) Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. CTQG - ST, tr.41.

(19) Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. CTQG - ST, tr.11.

(20) Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. CTQG - ST, tr.80.

(21) Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG - ST, tr.21.

(22) Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. CTQG - ST, tr.68 - 69.

(23), (24), Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG - ST, tr.71, 72 - 73.

(25) Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.76.

(26) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG - ST, T.1, tr.111 - 112.

(27) Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. CTQG - ST, tr.25.